TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS - PT

Ngày 08 - 8 - 2018

V/v "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa

Ông Đặng Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* do bản án dân sự số 03/2018/DS-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị bị đơn ông Nguyễn Thế H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐ-PT ngày 15/6/2018 và Thông báo mở lại phiên toà số 17/TB-PT ngày 19/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh T

Địa chỉ: Tổ 25, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần N - Địa chỉ: Số 286, đường Y, phường Y, thành phố B, tỉnh Yên Bái. (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2017)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế H

Chị Nguyễn Thùy L

Địa chỉ: Tổ 24A, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn chị Nguyễn Thùy L: Anh Nguyễn Thế H - Địa chỉ: Tổ 24A, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2018)

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Thế H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 04 tháng 7 năm 2016 chị Phạm Thị Minh T có cho vợ chồng anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thùy L vay số tiền 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng chẵn),* với lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 04/7/2016 đến 04/7/2017. Khi chị T cho vợ chồng anh H vay tiền hai bên có lập Hợp đồng vay tiền qua Phòng Công chứng số 1 tỉnh Lào Cai công chứng. Trong hợp đồng vay tiền có ghi rõ thời hạn cho vay là 12 tháng và thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/7/2017. Tuy nhiên tính đến nay đã quá thời hạn trả nợ là 07 tháng theo như thỏa thuận trong hợp đồng nhưng anh H và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị T. Chị Phạm Thị Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thùy L phải có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị Minh T số tiền gốc vay còn nợ là 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng),* về khoản tiền lãi xuất chị Phạm Thị Minh T không yêu cầu.

Bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thùy L là anh Nguyễn Thế H trình bày:

Anh công nhận việc vay nợ giữa vợ chồng anh với chị Phạm Thị Minh T là đúng sự thật, khi vay tiền hai bên có lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 04/7/2016 vợ chồng anh có vay của chị T số tiền là 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng).* Sau khi vay tiền của chị T, từ ngày 04/7/2016 đến ngày 04/7/2017 vợ chồng anh H hàng tháng đều thực hiện việc thanh toán tiền lãi cho chị T và đã trả được cho chị T khoản tiền gốc vay là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng).* Anh H xác định khi trả tiền gốc cho chị T thì khi trả bằng tiền mặt, khi thì trả qua hình thức chuyển khoản nhưng không có giấy tờ biên nhận gì. Anh H khẳng định vợ chồng anh đã thanh toán trả cho chị T được số tiền gốc vay là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng),* đến nay vợ chồng anh chỉ còn nợ chị T số tiền gốc là 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng).* Do đó vợ chồng anh chỉ có trách nhiệm trả cho chị T số tiền còn nợ là 500.000.000đ chứ không nhất trí trả số tiền 700.000.000đ theo như chị T yêu cầu.

Bản án số 03/2018/DSST ngày 05/3/2018 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T.

Buộc anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thùy L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Thị Minh T số tiền là 700.000.000đ *(Bảy trăm triệu đồng).* Phần của mỗi người cụ thể như sau: Anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thùy L, mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Minh T số tiền là 350.000.000đ *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/3/2018, bị đơn anh Nguyễn Thế H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 05/3/2018 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Thế H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thế H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận việc anh Nguyễn Thế H đã trả cho chị Phạm Thị Minh T số tiền 100.800.000 đồng, anh Nguyễn Thế H còn phải trả cho chị T số tiền 599.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thế H nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Xét hợp đồng vay tiền lập ngày 04/7/2016 giữa chị Phạm Thị Minh T với anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thùy L:

Hợp đồng vay tiền lập ngày 04/7/2016 giữa chị Phạm Thị Minh T với anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thùy L được lập bằng văn bản và được công chứng viên Lê Thị Thu H – Phòng công chứng số 1 tỉnh Lào Cai công chứng. Nội dung hợp đồng là chị Phạm Thị Minh T có cho anh Nguyễn Thế H, chị Nguyễn Thùy L vay số tiền 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)*, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày 04/7/2016 đến hết ngày 04/7/2017, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Xét thấy thỏa thuận về việc vay tiền giữa chị T với anh H, chị L là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thế H, chị Nguyễn Thùy L cũng xác nhận về việc vay chị Phạm Thị Minh T số tiền 700.000.000 đồng, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2016. Đến ngày 08/7/2016 chị T đã giao đủ số tiền 700.000.000 đồng cho anh H và chị L, hai bên có lập giấy biên nhận với nhau. Như vậy có thể khẳng định giữa chị Phạm Thị Minh T với anh Nguyễn Thế H, chị Nguyễn Thùy L có xác lập giao dịch dân sự vay tiền, thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thế H:

Theo đơn khởi kiện chị Phạm Thị Minh T cho rằng thời hạn mà anh Nguyễn Thế H, chị Nguyễn Thùy L phải trả nợ số tiền 700.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền đã giao kết là ngày 04/7/2017. Tuy nhiên đã quá hạn trả nợ anh H, chị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị T.

Bị đơn anh Nguyễn Thế H cho rằng từ ngày 04/7/2016 đến ngày 04/7/2017 vợ chồng anh H, chị L đã thanh toán đầy đủ tiền lãi hàng tháng và trả số tiền nợ gốc cho chị T là 200.000.000 đồng. Việc trả tiền lãi và tiền nợ gốc được anh H thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của chị T tại ngân hàng hoặc trả trực tiếp cho chị T bằng tiền mặt nhưng không có giấy biên nhận. Vì vậy anh H chỉ chấp nhận có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ gốc còn lại là 500.000.000 đồng, không nhất trí với yêu cầu của chị T là buộc vợ chồng anh H phải trả số tiền 700.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Thế H chỉ cung cấp được chứng cứ là bản photo các Giấy nộp tiền vào tài khoản của chị Phạm Thị Minh T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận".* Vì vậy các tài liệu mà bị đơn anh Nguyễn Thế H cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm không được coi là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc anh H, chị L đã trả cho chị T số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ.

Ngày 19/3/2018, bị đơn anh Nguyễn Thế H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, kèm theo đơn kháng cáo anh H nộp cho Tòa án các tài liệu là 04

giấy nộp tiền bản chính, trong đó có 02 giấy nộp tiền vào ngày 04/11/2016 và ngày 05/12/2016; 02 giấy nộp tiền không ghi ngày tháng năm. Cả 04 giấy nộp tiền đều thể hiện anh Nguyễn Thế H chuyển khoản vào tài khoản của chị Phạm Thị Minh T (số tài khoản 00951004178898 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai) số tiền 25.200.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng),* nội dung nộp "H trả tiền". Ngày 15/5/2018 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai có công văn số 86/CV-LCA-DVKH phúc đáp Công văn của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. Theo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai thì 02 giấy nộp tiền không ghi ngày tháng năm là do khách hàng tự viết tay và không ghi ngày tháng năm nhưng trên chứng từ Ngân hàng hạch toán thể hiện ngày tháng năm của chứng từ và các giấy nộp tiền này là chứng từ hợp pháp. Cụ thể, giấy nộp tiền số HD-Invoice No: 310816.MI28.0074 và giấy nộp tiền số HD-Invoice No: 031016.MI22.0082 tương ứng với ngày tháng năm thực hiện giao dịch là 31/08/2016 và ngày 03/10/2016. Như vậy, bị đơn anh Nguyễn Thế H đã thực hiện giao dịch trả tiền cho chị Phạm Thị Minh T vào các ngày 31/8/2016; 03/10/2016; 04/11/2016; 05/12/2016. Thời gian này tương ứng với thời hạn vay trong Hợp đồng vay tiền ngày 04/7/2016 giữa chị Phạm Thị Minh T và anh Nguyễn Thế H, chị Nguyễn Thùy L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận việc anh H có chuyển khoản cho chị T và cho rằng số tiền 100.800.000 đồng (*Một trăm triệu tám trăm nghìn đồng)* theo 04 Giấy nộp tiền mà anh Nguyễn Thế H trả cho chị Phạm Thị Minh T là số tiền trả cho một khoản vay khác, cụ thể vay tiền gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi, khi chị T cho vợ chồng anh H vay tiền vì số tiền không lớn nên chị T không yêu cầu vợ chồng anh H phải viết giấy. Xét lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa là không có cơ sở. Bởi lẽ ngoài lời khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh chị T có cho anh H vay khoản tiền 90.000.000 đồng. Vì vậy xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thế H là có căn cứ.

[4] Đối với bị đơn anh Nguyễn Thế H và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thùy L cho rằng đã trả cho chị Phạm Thị Minh T số tiền 200.000.000 đồng, tại phiên tòa anh H khai đã trả được cho chị T số tiền 240.000.000 đồng, xong ngoài các chứng cứ anh H đã nộp là 04 giấy nộp tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai anh H không cung cấp được chứng cứ gì khác chứng minh việc anh đã trả cho chị T số tiền 240.000.000 đồng nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thế H là có căn cứ nên chấp nhận một phần, cần sửa bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

[6] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là anh Nguyễn Thế H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Sửa bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 05/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 688 của Bộ Luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T.

Buộc anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thùy L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phạm Thị Minh T số tiền là 599.200.000đ *(Năm trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).* Phần của mỗi người cụ thể như sau: Anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thùy L mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Minh T số tiền là 299.600.000đ *(Hai trăm chín mươi chín triệu sáu trăm triệu đồng).*

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thế H và chị Nguyễn Thùy L, mỗi người phải chịu 14.980.000đ *(Mười bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 16.000.000đ *(Mười sáu triệu đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AB/2012/0004708 ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thế H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Thế H đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0005028 ngày 09/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Số tiền này được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh Nguyễn Thế H phải nộp.

3. Về nghĩa vụ thi hành án*:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khánh Vân